

2. Ông Hoàng Doanh A5 - Công ty Luật IVYLAWWS A&A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

* *Bị hại có kháng cáo:* Ông Trần Đức A6, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 219 ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo được Tòa án triệu tập:*

1. Ông Mạc Như A7, vắng mặt;

Địa chỉ: Đội 5 ĐT, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Đỗ Minh A8, sinh năm 1954, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 18/52 PL, ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng.

3. Ông Đoàn Văn A9, sinh năm 1957, vắng mặt;

Địa chỉ: 1A42 LS, Quận LC, thành phố Hải Phòng.

4. Ông Nguyễn Kim A10, sinh năm 1964, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Trú tại: Số nhà 356, MHX, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Đức A1 là giám đốc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ TTP đang được UBND huyện AH cho thuê khu đầm có diện tích 13ha tại phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng để nuôi trồng thủy sản, thời gian thuê 20 năm từ năm 2003 đến năm 2023. Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng khu đầm trên để kinh doanh dịch vụ kho bãi và hậu cần sau cảng, nên đầu năm 2017, ông A6 đã gặp và thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Hồng A11 là giám đốc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ khí công nghiệp ĐV cùng nhau liên kết để thực hiện dự án trên trực thuộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ khí công nghiệp ĐV. Để thực hiện các thủ tục xin cấp phép và giao đất thực hiện dự án trên, ông A6 đã gặp và nhờ ông Đỗ Minh A8 lo toàn bộ thủ tục xin cấp giấy phép và thủ tục giao đất để thực hiện dự án. Ông A6 ký hợp đồng dịch vụ pháp lý và thỏa thuận giao khoán toàn bộ cho ông A8 từ việc xin chủ trương đến khi được cấp giấy phép và giao đất để thực hiện dự án với chi phí 2,5 tỷ/ha, tổng cộng khoảng 25 tỷ. Trong quá trình tiến hành các thủ tục thì tiến độ đến đâu, ông A6 sẽ chi tiền đến đấy.

Sau khi thỏa thuận như trên với ông A6, ông A8 gặp và thỏa thuận với ông Đoàn Văn A9 với nội dung như trên, ông A9 lại gặp và thỏa thuận với anh Mạc Như A7 cũng với nội dung công việc và chi phí như trên.

Ông Mạc Như A7, sau khi thỏa thuận như trên với ông A9, đã gặp Nguyễn Đình A là chuyên viên văn phòng UBND thành phố Hải Phòng, ông A7 trao đổi với A về việc nhờ A giúp xin chủ trương, xin cấp phép và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án kinh doanh dịch vụ kho bãi và hậu cần sau cảng,

A nói sẽ làm được và nhận lời giúp với điều kiện: Đề xin được chủ trương cho phép thực hiện dự án chi phí hết khoảng 03 tỷ đồng, ông A7 đồng ý.

Tháng 2 năm 2017, theo yêu cầu của A, ông A7 đã đưa cho A tờ trình và hồ sơ của công ty ĐV để A nộp vào bộ phận một cửa của UBND thành phố. Ngày 21/3/2017, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trực thuộc UBND thành phố có văn bản trả lời dự án của công ty ĐV không phù hợp với quy hoạch của quận HA nên không được chấp thuận. Biết thông tin trên, A nói với A7, để được cấp phép thực hiện dự án thì phải xin ý kiến của thường trực Thành ủy để điều chỉnh quy hoạch khu đất này và phải đưa trước cho A 600 triệu để A lo việc trên. Ngày 8/4/2017, A7 đã đưa cho A 600 triệu đồng. Tháng 5/2017, A đưa cho A7 văn bản số 2610/UBND-QH ngày 16/5/2017 có chữ ký của ông Lê Khắc A12 - Phó chủ tịch UBND thành phố và đóng dấu của UBND thành phố (sau đây gọi tắt là công văn 2610) với nội dung UBND thành phố Hải Phòng đồng ý chủ trương về đầu tư xây dựng kho bãi và dịch vụ hậu cần sau Cảng của công ty ĐV, giao các Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch - đầu tư, Sở Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn công ty ĐV thực hiện thủ tục để thực hiện dự án. Ông A7 đưa văn bản trên cho ông A9, ông A9 đưa cho ông A8, A8 đưa cho ông A6, nhưng ông A6 yêu cầu phải có văn bản đồng ý của Chủ tịch UBND thành phố nên đã trả lại A qua A7. A yêu cầu A7 đưa thêm 500 triệu đồng thì mới xin được văn bản có chữ ký của chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Văn A13. Ngày 07/6/2017, A7 đưa cho A 300 triệu đồng (A7 khai ngày 10/6/2020 A7 đưa tiếp cho A 200 triệu đồng nhưng hiện nay A không thừa nhận đã nhận số tiền này). Sau đó, A đưa cho ông A7 Công văn 2610 có chữ ký của ông Nguyễn Văn A13, Chủ tịch UBND thành phố cũng với nội dung trên để ông A7 giao cho ông A6.

Đến khoảng tháng 7 năm 2017, A yêu cầu ông A7 đưa tiếp 02 tỉ đồng để UBND thành phố ra văn bản xin ý kiến Thường trực Thành ủy điều chỉnh quy hoạch khu đất. Ngày 21/7/2017, A7 đưa A 1,95 tỉ đồng; đến cuối tháng 9 năm 2017, A đưa cho A7 Công văn số 3302/UBND-QH2 ngày 19/9/2017 có chữ ký và đóng dấu của ông Nguyễn Văn A13, Chủ tịch UBND thành phố (sau đây gọi tắt là công văn 3302) gửi Thường trực thành ủy có nội dung đề nghị điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Chuyển 10ha từ đất hạ tầng kỹ thuật đấu nối và công viên cây xanh sang đất hạ tầng dịch vụ kho bãi tại khu đất mà công ty ĐV xin thực hiện dự án. A7 chuyển lại văn bản này cho A9 để A9 đưa ông A6 để tạo niềm tin về việc dự án đang được duyệt để cấp phép. Tổng ông A7 đã đưa cho A là 2,85 tỷ đồng.

Đến tháng 01 năm 2018, thấy vẫn chưa có văn bản cấp phép thực hiện dự án, ông A6 yêu cầu ông A8 đi xác minh về các công văn A đã đưa. Ông A8 nhờ người đến Văn phòng UBND thành phố hỏi thì phát hiện các công văn 2610 và 3302 không thuộc hệ thống các văn bản do UBND thành phố phát hành. UBND thành phố Hải Phòng đã thông báo cho Công an TP Hải Phòng để xác minh làm rõ nguồn gốc các văn bản trên. Phòng An ninh chính trị nội bộ Công an thành phố đã triệu tập A8, A9, A7 và A để làm rõ về nguồn gốc các công văn trên. Lúc này, A nói với A7 phải chuyển sang công ty khác mới tiếp tục xin cấp phép thực hiện dự án được, nếu không nhờ A làm tiếp sẽ không lấy lại được số tiền đã đưa. A7

báo với A9, A9 báo với A8 để báo với ông A6, ông A6 đồng ý và thống nhất làm thủ tục thay thế là công ty TTP. A thỏa thuận với ông A7 sẽ không phát sinh thêm chi phí nữa.

Tháng 12 năm 2018, ông A6 chuyển thủ tục xin cấp dự án sang công ty TTP do ông A6 làm giám đốc đưa cho ông A7 để ông A7 đưa cho A. A nộp tờ trình và hồ sơ xin cấp dự án của công ty TTP đến bộ phận một cửa của UBND thành phố. Ngày 07/01/2019, UBND thành phố có công văn số 64/VP-QH do ông Nguyễn Kim A10, Chánh Văn Phòng ký, trả lời công ty TTP với nội dung: Đề nghị xin thực hiện dự án của công ty không phù hợp với quy hoạch của thành phố nên không có cơ sở xem xét, chấp thuận. A giải thích với A7 sẽ có văn bản của Phó thủ tướng ký đồng ý điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung của thành phố trong thời gian tới và khẳng định khu đất dự án mà công ty TTP đang xin cấp phép nằm trong điều chỉnh này.

Do ông A6 và ông A7 giục tiến độ công việc và yêu cầu trả lại tiền nếu không thực hiện được, nên khoảng tháng 2 năm 2020, để tạo niềm tin về việc quy trình xin thực hiện dự án của Công ty TTP vẫn đang được Ủy ban nhân dân thành phố triển khai bình thường, thuận lợi, A đã sử dụng máy tính và máy in màu tại phòng làm việc của A tại Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng làm văn bản giả mang số 169/BC-TNMT ngày 16/12/2019 có chữ ký và đóng dấu của ông Trần Văn A14 Giám đốc Sở Tài nguyên - Môi trường thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là công văn 169) với nội dung “Báo cáo thẩm định về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện đầu tư xây dựng dự án dịch vụ kho bãi và hậu cần sau Cảng tại phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng” rồi đưa cho A7 để A7 đưa cho ông A6.

Cũng với mục đích để ông A6 yên tâm về việc dự án của công ty TTP đang trong quá trình xin quy hoạch và có khả năng sẽ được thực hiện trong thời gian tới nên khoảng đầu tháng 5/2020, cũng bằng phương thức làm giả văn bản như trên, A tiếp tục làm công văn giả mang số 3308/UBND - QH2 và công văn mang số 33/UBND - ĐC3 cùng ngày 13/5/2020 có chữ ký và đóng dấu của ông Phạm Hưng A15, Chánh văn phòng UBND thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là công văn 3308 và công văn 33) với cùng nội dung UBND thành phố đồng ý chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch và đề xuất dự án đầu tư tại phường ĐH 2, quận HA đưa cho A7 để A7 cho ông A6. A còn yêu cầu A7 chuẩn bị tiền để thuê đơn vị đo lường xây dựng quy hoạch chi tiết 1/500.

Ngay sau khi nhận được các công văn 3308 và 33 trên, ông A6 đã yêu cầu ông A8 đi xác minh lại tính hợp pháp của các văn bản trên. Ông A8 mang các công văn trên đến bộ phận một cửa UBND thành phố Hải Phòng để đối chiếu, xác định được UBND thành phố không ban hành các văn bản trên.

Tại Kết luận giám định số 89/KLGĐ ngày 23/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP Hải Phòng, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG” và chữ ký mang tên “Phạm Hưng

A15” trên văn bản số 33/UBND - ĐC3 ngày 13/5/2020 của UBND thành phố Hải Phòng là giả, được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

Tại Kết luận giám định số 171/KLGD - PC 09 ngày 07/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP Hải Phòng về hai văn bản 2610/UBND-QH ngày 16/5/2017 và 3302/UBND-XD ngày 19/9/2017 đã kết luận: Chữ ký mang tên Chủ tịch Nguyễn Văn A13 là chữ ký sao chụp nên không giám định, hình dấu tròn có nội dung “Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng” so với các hình dấu tròn do con dấu của UBND thành phố Hải Phòng đóng ra cùng thời điểm (mẫu so sánh) là do cùng một con dấu đóng ra.

Đối với công văn mang số 3308, công văn mang số 169/BC-TNMT ngày 16/12/2019 là văn bản phô tô nên không đủ điều kiện giám định được để xác định cách thức làm giả các văn bản trên.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trả lời Cơ quan điều tra 04 văn bản mang số 33, 2610, 3308 và 3302 Cơ quan điều tra thu giữ trên không phải văn bản do UBND thành phố phát hành.

Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng trả lời Cơ quan điều tra văn bản mang số 169 Cơ quan điều tra thu giữ trên không phải văn bản do Sở phát hành.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình A thừa nhận việc thỏa thuận với ông Đỗ Minh A7 về chi phí và xin chủ trương về đầu tư xây dựng kho bãi và dịch vụ hậu cần sau Cảng của công ty ĐV, bị cáo đã nhận tiền của ông A6 qua ông A7 như trên. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận và nhận tiền, A đã nhờ ông Nguyễn Kim A10 - Chánh Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng giúp, ông A10 đồng ý và thông báo cho A biết xin chủ trương hết khoảng 03 tỷ đồng. Số tiền A đã nhận của A7 2,85 tỉ đồng, đã đưa cho ông A10 2,1 tỉ đồng, A giữ lại 750 triệu đồng; chính ông A10 là người đưa cho A hai văn bản 2610 và 3302 để A đưa cho doanh nghiệp. Sau khi công ty ĐV không được chấp thuận thực hiện dự án, ông A10 có nói với A phải chuyển sang công ty khác mới xin được. A và ông A10 thống nhất chuyển sang công ty TTP cho ông A6 và không mất thêm chi phí nào khác ngoài số tiền đã đưa. Khi UBND thành phố có văn bản trả lời không chấp thuận chủ trương xây dựng của công ty TTP, ông A10 bảo chờ điều chỉnh quy hoạch của Chính Phủ. Do A7 thúc giục hỏi về tiến độ công việc nên A đã làm giả văn bản số 169/BC-TNMT ngày 16/12/2019 của Sở Tài nguyên - Môi trường thành phố Hải Phòng, văn bản số 3308/UBND-QH2 và văn bản số 33/UBND-ĐC3 cùng ngày 13/5/2020 của UBND thành phố Hải Phòng đưa cho A7 như trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình A 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Phạt tiền bổ sung bị cáo 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra Bản án còn buộc trách nhiệm bồi thường dân sự, tuyên buộc lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình A kháng cáo toàn bộ bản án; đến ngày 29/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, tiếp tục nhận được đơn kháng cáo của bị cáo A với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/5/2022, người bị hại là ông Trần Đức A1 kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình A.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khẳng định chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ông Trần Đức A1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

- Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã suy nghĩ lại việc làm của mình thấy bản án sơ thẩm quy kết mình là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục tác động với gia đình để nộp tiếp số tiền 100.000.000đ để bồi thường cho bị hại; bố vợ của bị cáo được tặng huân chương; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được tặng chiến sỹ thi đua, bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng.

- Bị hại có kháng cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, nếu bị cáo bồi thường ngay thì bị hại sẽ không kháng cáo nữa mà tùy tòa án quyết định hình phạt đối với bị cáo.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các chứng cứ cho rằng, cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình A xuất trình tài liệu thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục tác động với gia đình để nộp số tiền 100.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để khắc phục hậu quả, bố vợ bị cáo là người có công được tặng huân chương; đây là tình tiết mới sau khi xét xử sơ thẩm nên cần áp dụng cho bị cáo và có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hơn nữa trong số tài liệu giả thì có 02 tài liệu chưa chứng minh được do ai làm bởi vì con dấu là của UBND thành phố Hải Phòng, còn chữ ký thì không giám định được. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* *Luật sư A4 bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo với hai tội danh nêu trên là có căn cứ, nên không tranh luận về tội danh. Về hình phạt đối với tội “Làm tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ; đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù là quá nghiêm khắc. Bởi vì, xét hành vi thì bị cáo không có dự mưu từ trước mà do người bị hại tìm đến để nhờ vả bị cáo thì bị cáo mới giúp đỡ; khi bị thúc giục thì bị cáo mới làm giả tài liệu, bị cáo không làm giả để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hơn nữa, trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện gia đình bị cáo nộp tiếp số tiền 100.000.000đ; bố vợ bị cáo được tặng thưởng huân chương, bị cáo tiếp tục khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình A thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, những người liên quan, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đình A tuy không chức năng thực hiện trình tự, thủ tục, cũng như không có khả năng để xin cấp phép và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án dịch vụ kho bãi và hậu cần sau Cảng tại phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng các thủ đoạn gian dối như: Hứa hẹn có thể xin cấp phép, có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất được, sử dụng các tài liệu giả cụ thể: Công văn số 2610/UBND-QH ngày 16/5/2017 và Công văn số 3302/UBND-QH2 ngày 19/9/2017 của UBND thành phố Hải Phòng thông qua Mạc Như A7 để tạo lòng tin với bị hại và những người liên quan khiến cho những người này tin tưởng và giao tiền cho A nhiều lần với tổng số tiền 2.850.000.000 đồng để làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho Công ty khí công nghiệp ĐV, sau lại đổi sang Công ty cổ phần thương mại dịch vụ TTP. Do lo sợ bị hại đòi lại số tiền đã chiếm đoạt, A đã sử dụng phương pháp in phun màu làm giả các Công văn số 169/BC-TNMT ngày 16/12/2-19 của Sở Tài Nguyên Môi Trường, Công văn số 3308/UBND-QH2 và Công văn số 33/UBND-DDC3 cùng ngày 13/5/2020 của UBND thành phố Hải Phòng với nội dung UBND thành phố đồng ý chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch và đề xuất dự án đầu tư tại phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng và đưa các công văn này cho A7 để A7

đưa cho ông A9, ông A9 đưa cho ông A8, ông A8 đưa cho ông A6 với mục đích che giấu hành vi đã chiếm đoạt số tiền 2.850.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tội phạm được quy định tại Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo theo các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và trật tự quản lý hành chính của Nhà nước được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây mất niềm tin của nhân dân đối với hệ thống cơ quan nhà nước. Do bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá trên 500.000.000 đồng, cũng sử dụng 02 công văn giả có số 2610/UBND-QH ngày 16/5/2017 và số 3302/UBND-QH2 ngày 19/9/2017 của UBND thành phố Hải Phòng; trực tiếp làm giả 03 công văn có số 169/BC-TNMT ngày 16/12/2019 của Sở Tài Nguyên Môi Trường, Công văn số 3308/UBND-QH2 và Công văn số 33/UBND-DDC3 cùng ngày 13/5/2020 của UBND thành phố Hải Phòng, nên cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt, cũng như kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo, thấy: Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đến nhân thân bị cáo Nguyễn Đình A chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương, bị cáo tác động với gia đình đã nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng số tiền 100.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục tác động với gia đình để gia đình nộp tiếp 100.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, điều đó chứng tỏ rằng bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố vợ bị cáo được tặng thưởng huân chương; quá trình công tác bị cáo cũng có những thành tích nhất định; trong vụ án này phía người bị hại cũng có một phần lỗi trong việc không thực hiện đúng quy trình, quy định về xin cấp phép, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, nên cần áp dụng cho bị cáo, từ đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải; đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo ở mức 03 năm tù là có căn cứ, không cao nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội danh này. Đối với kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, nhưng như đã phân tích ở trên, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị hại cũng không xuất trình được chứng cứ

gì chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại liên quan đến trách nhiệm dân sự: Bị hại đề nghị buộc bị cáo và những người liên quan bồi thường số tiền 3.790.000.000đ. Tuy nhiên, bản sơ thẩm đã buộc bị cáo A và những người liên quan phải trả lại cho bị hại số tiền này, nên kháng cáo của bị hại liên quan đến trách nhiệm dân sự không có căn cứ chấp nhận, nhưng gia đình bị cáo đã nộp tiếp số tiền là 100.000.000đ nên cần ghi nhận cho bị cáo và bị hại được nhận số tiền này.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Đức A1; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình A; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình A 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 21 (Hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và phạt tiền bổ sung bị cáo 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Đình A đã nộp tiếp được 100.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo A lai thu tiền số 0000775, ngày 02/12/2022 để bồi thường cho bị hại, ông Trần Đức A1 được nhận số tiền này.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình A và bị hại Trần Đức A1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm; các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 43/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND cấp cao Hà Nội;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại Tạm giam thành phố Hải Phòng;
- Tòa án thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TANDTC;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Văn phòng UBND TP Hải Phòng;
- Đảng ủy khối cơ quan thành phố Hải Phòng
- Lưu: HSVA, HCTP.

Thái Duy Nhiệm